

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KĨ NĂNG VIẾT VĂN BẢN CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT TRÍ TUỆ LỚP 2

Nguyễn Thị Cẩm Hương^{1,+},
Phạm Thị Ngân²

¹Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;

²Trung tâm Hỗ trợ Phát triển giáo dục hoà nhập tư thục Thiên Thần Nhỏ

+Tác giả liên hệ • Email: nch19381@hnue.edu.vn

Article history

Received: 22/6/2024

Accepted: 12/8/2024

Published: 05/10/2024

Keywords

Writing skill, intellectual disability, General Education Curriculum 2018, Grade 2 Vietnamese Language Subject

ABSTRACT

The writing skills of students with intellectual disabilities have certain limitations and are closely related to language ability. This article explores the current situation of developing composing skills for students with intellectual disabilities in grade 2 in comparison with the requirements of the current 2018 General Education Curriculum, thereby building a basis for proposing appropriate support methods for students with intellectual disabilities, meeting the requirements of the Program. The research results show that the writing skills of students with intellectual disabilities are limited in all 3 stages according to the requirements of the Program, in which the most limited are the lack of ideas in the writing, unclear or monotonous sentences, poor vocabulary, unclear and incomplete structure. The assessment of writing skills should focus on the writing topic, student attitude and the quality of language use. The teachers believed that explaining the writing topics with visual aids and praising, encouraging, and motivating are the most appropriate measures. They faced many difficulties in developing students' writing skills, with teachers' low expectations of the abilities of students with intellectual disabilities the biggest difficulty.

1. Mở đầu

Kĩ năng viết văn bản (VVB) là một trong những thành phần chính của kĩ năng viết. Đây là một quá trình phức tạp đòi hỏi nhiều năng lực tổng hợp như nhận thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng, kiến thức về cấu trúc văn bản cũng như cách tổ chức và lập kế hoạch suy nghĩ để tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh (Joseph & Konrad, 2009). Ở trình độ lớp 2, kĩ năng VVB của HS cần đạt được các yêu cầu về “quy trình tạo lập văn bản và yêu cầu thực hành viết theo đặc điểm của các kiểu văn bản” (Bộ GD-ĐT, 2018).

Kĩ năng VVB có liên quan mật thiết đến các năng lực khác. Kĩ năng VVB của HS khuyết tật nói chung và học sinh khuyết tật trí tuệ (HS KTTT) nói riêng đều có những hạn chế nhất định và có liên quan mật thiết đến năng lực ngôn ngữ. HS KTTT vốn có sự chậm trễ về phát triển ngôn ngữ, vốn từ hạn chế, năng lực suy luận và tư duy hạn hẹp. Để phát triển kĩ năng VVB cho HS KTTT, biện pháp dạy học và hỗ trợ của GV đóng vai trò quan trọng. Nếu như ở giai đoạn lớp 1, mục tiêu phát triển kĩ năng viết trọng tâm vào việc hình thành và phát triển kĩ năng viết chữ và viết chính tả, thì ở lớp 2, mục tiêu phát triển kĩ năng viết đặt thêm trọng tâm vào việc phát triển kĩ năng VVB. Việc phát triển kĩ năng VVB cho HS KTTT ở lớp 2 có vai trò quan trọng để tạo nền tảng cơ bản cho các giai đoạn VVB tiếp theo.

Bài báo này mô tả thực trạng phát triển kĩ năng VVB cho HS KTTT lớp 2 đối chiếu với các yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (CTGDPT 2018) hiện nay, từ đó xây dựng cơ sở đề xuất cách thức hỗ trợ cho HS KTTT phù hợp, đáp ứng yêu cầu cần đạt của Chương trình.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Yêu cầu phát triển kĩ năng viết văn bản cho học sinh khuyết tật trí tuệ

Nghiên cứu phát triển kĩ năng VVB cho HS KTTT thường chú trọng tới việc phát triển kĩ năng viết câu, viết đoạn văn và nội dung viết (Gurney, 2019), viết câu chính xác về ngữ pháp, bao gồm cả chủ ngữ và vị ngữ, và các yêu cầu chính tả (viết hoa và chấm câu), đảm bảo số lượng câu và độ trôi chảy (Gurney, 2019; Rodgers et al., 2022). Đối với kĩ năng viết toàn bài, Gallego-Ortega và cộng sự (2022) nhấn mạnh cần phát triển kĩ năng tổ chức ý tưởng trong văn bản để giúp HS học cách tư duy. Các yêu cầu về phát triển kĩ năng VVB cho HS KTTT trong môn Tiếng Việt lớp 2 theo CTGDPT 2018 và các nghiên cứu về phát triển kĩ năng VVB cho thấy, HS cần đạt được các kĩ năng phân tích đề, kĩ năng tìm ý và lập dàn ý, kĩ năng thực hành VVB và kĩ năng kiểm tra, hoàn thiện bài viết.

2.2. Khảo sát thực trạng phát triển kỹ năng viết văn bản cho học sinh khuyết tật trí tuệ lớp 2

2.2.1. Khái quát khảo sát

Mục đích, nội dung khảo sát: Nghiên cứu thực trạng kỹ năng VVB trong môn Tiếng Việt 2 của HS KTTT và thực trạng phát triển kỹ năng cho HS KTTT theo yêu cầu của CTGDPT 2018.

Phương pháp và công cụ khảo sát: Xây dựng và sử dụng phiếu điều tra (phát phiếu trực tiếp) dành cho GV hòa nhập và GV can thiệp cá nhân nhằm tìm hiểu thực trạng kỹ năng VVB của HS, thực trạng GV phát triển kỹ năng VVB trong môn Tiếng Việt 2 cho HS KTTT (các câu hỏi được kiểm định hệ số Cronbach's Alpha và đạt điểm từ 0,76 trở lên). Ngoài ra, nghiên cứu cũng kết hợp phương pháp trao đổi trực tiếp, phỏng vấn GV và phương pháp quan sát hoạt động của HS.

Địa bàn khảo sát: Các trường tiểu học thuộc thị xã Kinh Môn, một số cơ sở hỗ trợ giáo dục phát triển giáo dục hòa nhập ở TP. Hải Dương và một số cơ sở giáo dục chuyên biệt ở vùng lân cận tỉnh Hải Dương.

Khách thể khảo sát: 55 GV hòa nhập và chuyên biệt đã và đang dạy HS học lớp 2 có KTTT mức độ nhẹ (có IQ từ 50 đến dưới 70 điểm và kỹ năng thích ứng ở mức độ nhẹ và trên trung bình). Có 94,5% GV tham gia khảo sát là nữ, 61,8% là GV dạy học hòa nhập, 34,5% GV có kinh nghiệm can thiệp cá nhân cho HS KTTT, 49,1% GV trong độ tuổi từ 30 đến 39 tuổi, 47,3% GV có thâm niên công tác từ 6-15 năm. Phần lớn các GV tham gia khảo sát có nhiều kinh nghiệm dạy học kỹ năng VVB cho HS KTTT, có thể mô tả rõ ràng về thực trạng kỹ năng VVB của HS và phát triển kỹ năng VVB cho HS KTTT lớp 2.

Thời gian khảo sát: Từ cuối tháng 4/2024 đến đầu tháng 5/2024.

2.2.2. Kết quả khảo sát

- *Thực trạng khó khăn trong kỹ năng VVB của HS KTTT lớp 2*

Bảng 1. Thực trạng khó khăn của HS KTTT trong quá trình VVB

Giai đoạn VVB	Khó khăn	Điểm trung bình (ĐTB)	Độ lệch chuẩn (ĐLC)	Thứ bậc trong giai đoạn viết	Thứ bậc trong toàn thang đo	Độ tin cậy (ĐTC)
Giai đoạn (GD) 1: Phân tích đề	1. Xác định thể loại văn bản viết	3,46	0,573	1	8	0,89
	2. Xác định nội dung đề bài yêu cầu	3,33	0,514	2	14	
GD 2: Tìm ý và lập dàn ý	1. Tìm ý, tìm từ	3,30	0,571	2	16	0,86
	2. Sắp xếp ý (lập dàn ý) cho bài viết	3,44	0,691	1	10	
GD 3: Thực hành viết	1. Viết sai kiểu bài	3,53	0,504	6	5	0,92
	2. Bài viết nghèo nàn ý tưởng	3,71	0,458	1	1	
	3. Từ ngữ trong bài nghèo nàn, hạn chế	3,56	0,501	4	4	
	4. Mắc nhiều lỗi chính tả, trình bày và lỗi viết hoa	3,53	0,539	6	6	
	5. Viết câu không rõ nghĩa, nghĩa câu đơn điệu	3,58	0,498	2	2	
	6. Câu văn sai ngữ pháp	3,49	0,540	5	8	
	7. Lỗi sử dụng dấu câu chưa phù hợp	3,44	0,536	8	10	
	8. Ý của bài (các câu) sắp xếp lộn xộn, thiếu liên kết	3,44	0,631	8	10	
	9. Không biết nói đến cảm xúc bản thân trong bài	3,35	0,700	10	13	
	10. Cấu trúc bài viết chưa rõ ràng, chưa đầy đủ các thành phần (mở đầu, phát triển và kết thúc)	3,56	0,536	4	4	
	11. Tốc độ viết chậm	3,31	0,605	11	15	
	12. Chưa viết nháp trước khi viết chính thức	3,22	0,762	12	17	
	13. Không hứng thú (hay chán nản)	3,40	0,627	9	11	
GD 4: Hoàn thiện	1. Không biết tự sửa lỗi sai	3,45	0,633	1	9	0,85
	2. Không đủ số câu yêu cầu	3,36	0,589	2	12	

Ghi chú: Không khó khăn: $1,00 \leq \text{ĐTB} \leq 1,75$; Ít khó khăn: $1,76 \leq \text{ĐTB} \leq 2,51$; Khó khăn: $2,52 \leq \text{ĐTB} \leq 3,25$; Rất khó khăn: $3,26 \leq \text{ĐTB} \leq 4,00$

Quá trình VVB là quá trình sử dụng các kiến thức và kỹ năng đã được tích lũy để tạo ra một văn bản viết phù hợp về nội dung và hình thức. Kết quả khảo sát ý kiến GV cho thấy các khó khăn của HS trong quá trình VVB như sau: Tất cả các giai đoạn và các kỹ năng VVB của HS KTTT đều đang gặp khó khăn, trong đó 14/15 kỹ năng thành phần của HS KTTT ở mức độ rất khó khăn (M đặt giá trị từ 3,30 đến 3,71). Không có GV nào đưa thêm khó khăn khác về kỹ năng VVB. Các khó khăn nổi trội nhất (xếp thứ 1) là bài viết nghèo nàn về ý tưởng, tiếp đó là việc viết câu không rõ nghĩa, nghĩa câu văn đơn điệu (xếp thứ 2), từ ngữ trong bài nghèo nàn và cấu trúc bài viết chưa rõ ràng, chưa đủ thành phần (cùng ĐTB và xếp thứ 4). Kết quả này phù hợp với những hạn chế trong ngôn ngữ và nhận thức

của HS KTTT (với vốn từ ít, câu văn đơn điệu, không rõ nghĩa và cấu trúc bài cũng thiếu liên kết, kém logic). Các khó khăn mà HS KTTT gặp nhiều nhất rơi vào giai đoạn thực hành viết. Xét theo các giai đoạn, ở giai đoạn phân tích đề, HS gặp khó khăn trong kỹ năng xác định thể loại văn bản hơn xác định nội dung bài. Giai đoạn tìm và lập dàn ý: kỹ năng sắp xếp ý khó khăn hơn kỹ năng tìm ý, tìm từ. Giai đoạn thực hành viết: HS gặp hạn chế lớn nhất là việc bài viết nghèo nàn ý tưởng (xếp thứ 1), viết câu không rõ ràng về nghĩa, nghĩa câu đơn điệu (xếp thứ 2), từ ngữ trong bài nghèo nàn, hạn chế và cấu trúc bài chưa rõ ràng, chưa đủ các thành phần. Ở giai đoạn hoàn thiện văn bản: khó khăn lớn nhất chính là việc HS chưa biết tự sửa lỗi sai.

Các kết quả này hoàn toàn thống nhất với những nghiên cứu trước đây về khó khăn trong kỹ năng VVB của HS KTTT trong việc ít đảm bảo cấu trúc/tổ chức ý tưởng (Gallego-Ortega et al., 2022), viết câu thiếu rõ ràng, không đúng về cú pháp (Gurney, 2019), không đảm bảo số lượng câu trong bài và tốc độ viết (Rodgers et al., 2022). Trong nghiên cứu này, những khó khăn của trong kỹ năng VVB của HS KTTT lớp 2 ở cấp độ từ vựng, xác định chủ đề, tìm ý, kỹ năng tự điều chỉnh bài viết cũng được làm sáng tỏ hơn. Đối chiếu với các yêu cầu cần đạt của CTGDPT 2018, HS KTTT gặp khó khăn trong tất cả các kỹ năng VVB. Điều này cho thấy sự cần thiết phải hỗ trợ HS càng sớm càng tốt bằng các phương pháp phù hợp.

- *Thực trạng phát triển kỹ năng VVB cho HS KTTT lớp 2 theo CTGDPT 2018*

+ *Thực trạng nội dung phát triển kỹ năng VVB cho HS KTTT lớp 2*

Bảng 2. Thực trạng nội dung phát triển kỹ năng VVB cho HS KTTT

Giai đoạn VVB	Nội dung phát triển kỹ năng VVB	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc trong giai đoạn viết	Thứ bậc trong toàn thang đo	ĐTC
GD 1: Phân tích đề	1.Xác định thể loại bài viết (bài viết thể loại gì?)	3,22	0,712	2	7	0,85
	2. Xác định nội dung bài viết (viết về cái gì?)	3,36	0,649	1	2	
GD 2: Tìm ý, và lập dàn ý	1.Tìm ý, tìm từ	3,28	0,685	1	4	0,90
	2.Sắp xếp ý (lập dàn ý) cho bài viết	3,16	0,764	2	10	
GD 3: Thực hành VVB	1.Thực hành viết câu, cách dùng từ đặt câu	3,36	0,694	1	2	0,92
	2.Sắp xếp các câu trong bài và liên kết các câu bằng từ nối	3,16	0,764	3	9	
	3.Đủ các phần của bài văn (mở bài, phát triển, kết bài)	3,11	0,786	4	11	
	4.Tốc độ viết đảm bảo	3,02	0,805	5	7	
	5. Viết nháp hoặc làm bài tập bổ trợ trước khi làm chính thức	3,18	0,722	2	8	
GD 4: Kiểm tra, hoàn thiện bài viết	1.Viết đủ số câu quy định	3,27	0,622	2	5	0,96
	2.Kiểm tra, sửa lỗi sau khi viết bài	3,33	0,610	1	3	

Ghi chú: Không cần thiết: $1,00 \leq \text{ĐTB} \leq 1,75$; Ít cần thiết: $1,76 \leq \text{ĐTB} \leq 2,50$; Cần thiết: $2,51 \leq \text{ĐTB} \leq 3,25$; Rất cần thiết: $3,26 \leq \text{ĐTB} \leq 4,00$

Thực tế hiện nay, việc thúc đẩy phát triển tất cả các kỹ năng VVB trên đây được GV xác định là cần thiết và rất cần thiết (M có giá trị từ 3,02 đến 3,36), rất ít GV lựa chọn ít cần thiết và không cần thiết. Điều này cho thấy các GV coi trọng tất cả các giai đoạn VVB và các kỹ năng VVB trong mỗi giai đoạn, việc phát triển các kỹ năng VVB cho HS KTTT rất quan trọng, không có kỹ năng nào là không phù hợp. Các kỹ năng được đánh giá có tầm quan trọng nhất gồm xác định nội dung bài viết (xếp thứ 2 - giai đoạn 1) và Thực hành viết câu (cùng xếp thứ 2 - giai đoạn 2), kỹ năng kiểm tra, sửa lỗi sau khi viết bài (xếp thứ 3 - giai đoạn 4), kỹ năng tìm ý (xếp thứ 4 - giai đoạn 3). Các kỹ năng quan trọng nhất nằm ở cả 4 giai đoạn, điều này cho thấy GV rất cân đối mục tiêu phát triển kỹ năng tạo lập văn bản trọn vẹn cho HS. GV xác định những nội dung phát triển kỹ năng VVB cần được ưu tiên như vậy là phù hợp vì đáp ứng các khó khăn lớn nhất mà HS KTTT đang gặp phải. Đây cũng là những kỹ năng VVB cơ bản nhất, cần thiết và phù hợp nhất với đặc điểm tâm - sinh lí của HS.

Đặc biệt, GV đã xác định mức độ ưu tiên khi phát triển kỹ năng VVB phải đi từ hạt nhân của văn bản là câu (câu viết đúng chính tả, đúng ngữ pháp và đúng nội dung). GV cũng xác định để viết câu được đảm bảo về nội dung, HS cần có khả năng tìm ý, tìm từ (do đó điểm số của kỹ năng này xếp thứ 4 sau tiêu chí về kỹ năng viết câu). Nói cách khác, GV cho rằng đối với HS KTTT, việc viết câu và tìm ý là quan trọng trước nhất, sau đó tới việc liên kết câu, sắp xếp câu cho đúng cấu trúc. Ngoài ra, các GV hiện nay cũng rất chú trọng đảm bảo các yêu cầu cần đạt về hình thức trình bày như viết đủ số câu quy định. Việc GV chú trọng đến kỹ năng kiểm tra, sửa lỗi và đảm bảo viết đủ số câu quy định cũng cho thấy GV rất ý thức việc phát triển kỹ năng VVB cho HS KTTT phải giúp phát triển năng lực tự học.

+ Các biện pháp hỗ trợ trong dạy học phát triển kỹ năng VVB cho HS KTTT lớp 2

Bảng 3. Biện pháp hỗ trợ trong dạy học phát triển kỹ năng VVB cho HS KTTT lớp 2

Giai đoạn VVB	Biện pháp hỗ trợ	ĐTB	ĐLC	Thứ tự trong giai đoạn viết	Thứ tự trong toàn thang đo	ĐTC
GD 1: Phân tích đề	1.1. Giảng giải, gọi nhắc bằng lời	3,47	0,504	2	3	0,86
	1.2. Sử dụng đồ dùng trực quan (tranh ảnh, đồ vật, video) để giải thích chủ đề bài	3,65	0,517	1	2	
	1.3. Cho HS vẽ tranh minh họa để giải thích chủ đề bài viết	3,29	0,599	3	12	
GD 2: Tìm ý và lập dàn ý	2.1. Trò chuyện tự nhiên để tìm ý	3,44	0,61	1	6	0,90
	2.2. Hỗ trợ tìm từ (ý) qua các vật tượng trưng hoặc mô hình	3,27	0,592	4	15	
	2.3. Hỗ trợ tìm từ (ý) qua tranh ảnh	3,36	0,589	2	8	
	2.4. Hỗ trợ tìm từ (ý) qua video	3,24	0,719	5	16	
	2.5. Hỗ trợ tìm từ (ý) thông qua đồ vật thật	3,35	0,700	3	10	
	2.6. Sử dụng sơ đồ tư duy để tìm ý	3,05	0,891	7	20	
	2.7. Sử dụng sơ đồ, mô hình để sắp xếp, lập dàn ý	3,11	0,786	6	19	
	2.8. Hướng dẫn, vấn đáp với HS theo câu hỏi cụ thể	3,27	0,622	4	15	
GD 3: Thực hành viết	3.1. Cho HS viết nháp theo mô hình gợi ý	3,02	0,805	7	21	0,86
	3.2. Làm các bài tập bổ trợ để thực hiện từng bước viết bài văn	3,13	0,771	6	18	
	3.3. Sử dụng đồ dùng trực quan để gợi ý viết câu	3,44	0,631	2	6	
	3.4. Sử dụng mẫu câu hỗ trợ viết câu	3,29	0,599	4	12	
	3.5. Sử dụng từ mẫu gợi ý viết về cảm xúc với chủ đề, sự việc	3,40	0,672	3	7	
	3.6. Sử dụng đồ dùng trực quan (tranh ảnh, đồ vật, video) hỗ trợ tìm cảm xúc với chủ đề, sự việc	3,20	0,704	5	17	
	3.7. Khuyến khích HS trả lời, nói trước khi viết	3,44	0,501	2	6	
	3.8. Khen ngợi, khuyến khích, động viên	3,65	0,552	1	2	
GD 4: Hoàn thiện	4.1. Cho HS xem mẫu để phát hiện lỗi sai	3,27	0,560	2	15	0,95
	4.2. Làm các bài tập bổ trợ rèn sửa lỗi chính tả, lỗi dấu câu và ngữ pháp	3,35	0,584	1	10	

Ghi chú: Không phù hợp: $1,00 \leq \text{ĐTB} \leq 1,75$; Ít phù hợp: $1,76 \leq \text{ĐTB} \leq 2,50$; Phù hợp: $2,51 \leq \text{ĐTB} \leq 3,25$; Rất phù hợp: $3,26 \leq \text{ĐTB} \leq 4,00$

Hiện nay, GV đánh giá tất cả các biện pháp hỗ trợ đều ở mức phù hợp tới rất phù hợp (M từ 3,02 đến 3,65), rất ít GV lựa chọn mức độ ít phù hợp và không phù hợp. Việc sử dụng các biện pháp hỗ trợ là cần thiết để phát triển kỹ năng VVB cho HS KTTT ở lớp 2, giúp các em đạt được yêu cầu của CTGDPT 2018. Trong số các biện pháp hỗ trợ, GV cho rằng biện pháp giải thích chủ đề bài viết bằng đồ dùng trực quan và biện pháp khen ngợi, khuyến khích, động viên là các biện pháp phù hợp nhất.

GV cũng vẫn chú trọng tới kỹ thuật giảng giải, gọi nhắc bằng lời cho HS KTTT. Điều này phản ánh thực tiễn sử dụng ưu thế phương pháp dùng lời hiện nay trong giáo dục hòa nhập. Qua phỏng vấn, GV cho biết trong lớp hòa nhập có các HS không khuyết tật, do đó GV vẫn thường hay sử dụng lời nói nhiều hơn. Phương pháp này vẫn không thể thiếu trong quá trình giảng dạy vì nó góp phần phát triển tư duy ngôn ngữ cho HS trong lớp hòa nhập.

Điều đáng chú ý là GV đã đánh giá và quan tâm tới nhóm biện pháp khuyến khích sự tham gia của HS: Trò chuyện tự nhiên để tìm ý, khuyến khích HS nói trước khi viết. Điều này là dấu hiệu tích cực cho thấy khả năng phát triển kỹ năng VVB bằng sự chủ động tham gia của HS là một trong những điều kiện quan trọng để các em đạt được sự tiến bộ (Rowe et al., 2015).

GV cũng đã chú ý tới các biện pháp hỗ trợ để HS tìm ý theo các cách phù hợp với đặc điểm tri giác trực quan của HS (biện pháp 2.3, 2.5, 2.2, 2.4, 2.6), lập dàn ý (biện pháp 2.7), mà còn chú trọng tới những kỹ thuật cung cấp mẫu cho HS giúp các em rèn luyện và hình thành kỹ năng. Đó không chỉ là các mẫu câu để HS viết đúng ngữ pháp, diễn đạt (biện pháp 3.3, 3.4), chính tả mà còn gợi ý về cảm xúc (biện pháp 3.6), và giúp tăng cường khả năng tự kiểm tra, đánh giá (biện pháp 4.1).

Các GV cũng cho rằng các biện pháp rèn luyện kỹ năng viết nháp (biện pháp 3.2) và làm bài tập bổ trợ nâng cao các kỹ năng ngôn ngữ (biện pháp 4.2) nên được áp dụng vào quá trình dạy học để phát triển kỹ năng VVB cho HS KTTT hiệu quả hơn. GV cho rằng biện pháp hỗ trợ làm các bài tập bổ trợ rèn sửa lỗi chính tả, lỗi dấu câu và ngữ pháp sẽ phù hợp hơn biện pháp cho HS KTTT xem mẫu để phát hiện lỗi sai. Nói cách khác, để phát triển kỹ năng VVB cho HS KTTT, nên ưu tiên tổ chức cho HS rèn luyện thực hành hơn việc cho HS xem xét, phân tích và học tập qua lỗi sai.

+ *Đánh giá sự phát triển kỹ năng VVB cho HS KTTT lớp 2*

Bảng 4. Đánh giá sự phát triển kỹ năng VVB cho HS KTTT lớp 2

Giai đoạn VVB	Tiêu chí đánh giá	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc trong giai đoạn	Thứ bậc trong toàn thang đo	ĐTC
GD 1: Phân tích đề	1. Xác định đúng thể loại văn bản viết	3,33	0,583	2	5	0,87
	2. Xác định đúng nội dung của đề bài yêu cầu	3,50	0,505	1	1	
GD 2: Tìm ý, lập dàn ý	1. Tìm ý, tìm từ	3,48	0,540	1	2	0,86
	2. Lập dàn ý	3,31	0,543	2	6	
GD 3: Thực hành VVB	1. Từ vựng trong bài	3,36	0,754	2	4	0,96
	2. Nội dung câu	3,27	0,706	4	8	
	3. Ngữ pháp câu	3,18	0,748	6	10	
	4. Cấu trúc bài	3,15	0,848	8	12	
	5. Nội dung bài viết	3,25	0,751	5	9	
	6. Liên kết bài	3,02	0,871	10	16	
	7. Kỹ năng viết nháp	2,89	0,809	13	19	
	8. Cảm xúc trong bài của HS	3,11	0,762	9	13	
	9. Tốc độ viết bài	2,98	0,805	11	17	
	10. Thái độ học tập của HS	3,38	0,680	1	3	
	11. Sản phẩm, bài viết của HS	3,16	0,688	7	11	
	12. Câu trả lời của HS	3,29	0,658	3	7	
	13. Tranh vẽ minh họa (kênh hình) của HS	2,93	0,766	12	19	
GD 4: Hoàn thiện	1. Kỹ năng tự sửa bài	3,05	0,780	1	14	0,76
	2. Số lượng câu trong bài	3,04	0,693	2	15	

Ghi chú: Không quan trọng: $1,00 \leq \text{ĐTB} \leq 1,75$; Ít quan trọng: $1,76 \leq \text{ĐTB} \leq 2,50$; Quan trọng: $2,51 \leq \text{ĐTB} \leq 3,25$; Rất quan trọng: $3,26 \leq \text{ĐTB} \leq 4,00$

Nghiên cứu đề cập tới tiêu chí đánh giá ở tất cả các giai đoạn tạo lập văn bản. Kết quả khảo sát cho thấy, theo GV, tất cả các tiêu chí đánh giá đều ở mức quan trọng đến rất quan trọng (M từ 2,89 đến 3,50). Năm tiêu chí cần thiết nhất cần được đánh giá là đánh giá nội dung của bài viết của HS (xếp thứ 1), tìm ý và tìm từ (xếp thứ 2), thái độ học tập của HS (xếp thứ 3), đánh giá từ vựng trong bài (xếp thứ 4) và xác định đúng thể loại bài văn (xếp thứ 5).

Việc GV cho rằng đánh giá nội dung của bài viết là vai trò quan trọng nhất cho thấy sự tương đồng với quan điểm của GV xác định nội dung bài viết đúng chủ đề là nội dung quan trọng nhất cần phát triển cho HS KTTT. Yêu cầu đầu tiên của bài văn là phải đúng chủ đề. Việc đánh giá tập trung vào chủ đề bài viết là điều hiển nhiên. Việc đặt tiêu chí đánh giá này ở vị trí quan trọng nhất vừa khẳng định mục tiêu chính để sự phát triển kỹ năng VVB cho HS, nhưng cũng đặt ra thách thức lớn cho sự phát triển kỹ năng VVB của HS KTTT.

Dù GV cho rằng nội dung “viết câu đúng ngữ pháp” có ý nghĩa là quan trọng thứ hai, nhưng khi đánh giá, GV tập trung vào đánh giá từ vựng trong câu, trong bài. Điều này thống nhất nhau bởi từ vựng là hạt nhân của câu, là hạt nhân để phát triển ý trong bài. Điều này cho thấy GV đi vào đánh giá các tiêu chí cụ thể giúp HS có cơ hội đạt được các yêu cầu cần đạt một cách dễ dàng và thực chất. GV rất chú ý hình thành kỹ năng cho HS KTTT nhưng khi đánh giá cũng rất chú ý đánh giá thái độ của HS (tiêu chí ở vị trí quan trọng thứ 3). Điều này thống nhất với việc các GV đánh giá cao các biện pháp khuyến khích, động viên HS.

GV cho rằng đánh giá tốc độ viết bài, kỹ năng viết nháp, vẽ tranh minh họa cũng quan trọng, nhưng không xếp vào hàng quan trọng nhất. Những kỹ năng bổ trợ trong quá trình viết này có giá trị trong việc rèn luyện cho HS và phát huy điểm mạnh của HS KTTT nhưng không phải là tiêu chí đánh giá quan trọng hàng đầu. Điều này giúp giảm bớt áp lực về mục tiêu hoạt động, giảm gánh nặng về thời gian cho HS KTTT trong quá trình viết - điều được xem là một yếu tố thuận lợi để các em học tập trong lớp hòa nhập.

+ *Khó khăn trong quá trình phát triển kỹ năng VVB cho HS KTTT lớp 2*

Bảng 5. Khó khăn trong quá trình phát triển kỹ năng VVB cho HS KTTT lớp 2

STT	Các khó khăn	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Kì vọng thấp của GV và cha mẹ	2,87	0,721	1
2	Thiếu kiến thức về đặc điểm HS KTTT	2,85	0,848	2
3	Thiếu kiến thức về CTGDPT 2018	2,53	0,979	5
4	Phương pháp dạy chưa phù hợp	2,53	0,900	6
5	Thời lượng học ít (1 tuần có 1 tiết)	2,78	1,013	3
6	Thiếu đồ dùng dạy học như đồ dùng trực quan hay tranh ảnh	2,76	0,999	4

Ghi chú: Không khó khăn: $1,00 \leq \text{ĐTB} \leq 1,75$; Ít khó khăn: $1,76 \leq \text{ĐTB} \leq 2,50$; Khó khăn: $2,51 \leq \text{ĐTB} \leq 3,25$; Rất khó khăn: $3,26 \leq \text{ĐTB} \leq 4,03$

Trở ngại lớn nhất của quá trình phát triển kỹ năng VVB cho HS KTTT là kì vọng thấp của GV và cha mẹ HS (xếp thứ 1). Các khó khăn tiếp theo là việc GV thiếu các kiến thức về đặc điểm, nhu cầu của HS KTTT (xếp thứ 2) và thời lượng học tập ngắn, thiếu thời gian để rèn luyện cho HS (phân phối chương trình chỉ có 1 tiết/tuần). Niềm tin của cha mẹ và các thầy cô cho rằng các em không thể VVB đã làm giảm bớt sự cố gắng để tìm ra các phương pháp phù hợp hơn để hỗ trợ các em. Đây chính là rào cản lớn nhất khi can thiệp cho các HS khuyết tật nói chung và HS KTTT nói riêng vì nó ảnh hưởng tới quyết định cố gắng dạy học các kỹ năng học thuật cho HS khuyết tật (Ruppar, 2015). Với tất cả sự nỗ lực, cố gắng xác định mục tiêu, nội dung và thiết kế, chuẩn bị biện pháp hỗ trợ phù hợp, xác định vấn đề đánh giá có xu hướng tích cực, nếu GV và cha mẹ có niềm tin vào năng lực của các em sẽ tìm ra các phương pháp và công cụ hỗ trợ phù hợp cũng như tìm ra các kiến thức tốt nhất để hỗ trợ cho các em để giúp các em tiến bộ hơn nữa.

3. Kết luận

Bài báo này đã xác định và làm sáng tỏ thực trạng phát triển kỹ năng VVB của HS KTTT lớp 2 theo CTGDPT 2018. Đối chiếu với các yêu cầu cần đạt của Chương trình, HS KTTT lớp 2 phải đối mặt với những thách thức đáng kể trong cả 3 giai đoạn phát triển kỹ năng VVB, đặc biệt là trong việc hình thành ý tưởng, độ rõ ràng của câu, từ vựng và cấu trúc bài viết. GV được khảo sát đã hiểu rõ tầm quan trọng của việc hình thành kỹ năng viết cho HS. GV cho rằng biện pháp giải thích chủ đề bài viết bằng đồ dùng trực quan và biện pháp khen ngợi, khuyến khích, động viên là các biện pháp phù hợp nhất. GV tập trung vào đánh giá nội dung chủ đề, thái độ của HS KTTT và chất lượng từ ngữ trong bài viết của HS. GV còn gặp những hạn chế về thời lượng học tập của HS ngắn và thiếu thời gian rèn luyện. GV cũng thiếu kiến thức chuyên sâu về đặc điểm và nhu cầu của HS KTTT. Đặc biệt, vấn đề về niềm tin vào khả năng VVB của HS KTTT từ GV và cha mẹ ở mức độ thấp là rào cản lớn nhất, ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định và nỗ lực giảng dạy. Những kết quả nghiên cứu này cung cấp các định hướng cụ thể cho việc cải thiện chất lượng dạy học phát triển kỹ năng VVB cho HS KTTT.

Lời cảm ơn: Nhóm tác giả cảm ơn sự tài trợ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội qua đề tài “Xây dựng công cụ phát hiện sớm các khó khăn trong học tập của học sinh đầu cấp tiểu học theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018”, mã số: B2023-SPH-12.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Gallego-Ortega, J. L., García-Guzmán, A., Rodríguez-Fuentes, A., & Figueroa-Sepúlveda, S. (2022). What students with intellectual disabilities know about writing planning. *Journal of Applied Research in Intellectual Disabilities*, 35(3), 834-842.
- Gurney, B. N. (2019). *Effects of a Writing Instructional Package for Students with Moderate Intellectual Disability*. Ph.D. Thesis, University of Louisville, Louisville, KY, USA.
- Joseph, L. M., & Konrad, M. (2009). Teaching students with intellectual or developmental disabilities to write: A review of the literature. *Research in Developmental Disabilities*, 30, 1-19.
- Rodgers, D. B., Datchuk, S. M., & Wang, L. (2022). A paragraph text-writing intervention for adolescents with intellectual and developmental disabilities. *The Journal of Special Education Apprenticeship*, 11(2), 3.
- Rowe, D. A., Mazzotti, V. L., & Sinclair, J. (2015). Strategies for teaching self-determination skills in conjunction with the common core. *Intervention in School and Clinic*, 50, 131-141.
- Ruppar, A. L., Gaffney, J. S., & Dymond, S. K. (2015). Influences on teachers' decisions about literacy for secondary students with severe disabilities. *Exceptional Children*, 81(2), 209-226.